TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 4 - 2019
V/v chị L xin ly hôn anh Nh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019. Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị L - Sinh năm 1975
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Q, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Lê Văn Nh- Sinh năm 1973
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Q, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh Nh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/12/2018 cũng như lời khai của chị Trần Thị L trong qúa trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn Nh vào tháng 01/1996 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là thị trấn Q,

huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh Nh chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2008 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị và anh Nh luôn bất đồng về quan điểm sống, anh Nh thường xuyên rượu chè say rồi đánh chửi chị và con. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Nh vẫn không thay đổi và quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ năm 2017 đến nay chị và anh Nh sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nh không còn nên chị xin được ly hôn anh Nh. Về con chung giữa chị và anh Lê Văn Nh có ba con chung là Lê Văn Q sinh ngày 10/6/1997; Lê Thị Thúy L sinh ngày 20/3/2002 và Lê Thị Triệu V sinh ngày 21/10/2004. Hiện cháu Lê Văn Q đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Q. Còn cháu Lê Thị Thúy L và cháu Lê Thị Triệu V chưa trưởng thành, hiện hai cháu đang do chị nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị để được ổn định học tập nên chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu L và cháu V và không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị. Về tài sản giữa chị và anh Lê Văn Nh thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận, chị không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa anh Lê Văn Nh vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết anh Nh có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Trần Thị L về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị L. Sau khi kết hôn anh và chị L chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh và chị L bất đồng về quan điểm sống, không hiểu nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2017 đến nay anh và chị L sống ly thân. Nay chị L xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì anh là gia đình công giáo. Về con chung giữa anh và chị Trần Thị L có ba con chung là Lê Văn Q sinh ngày 10/6/1997; Lê Thị Thúy L sinh ngày 20/3/2002 và Lê Thị Triệu V sinh ngày 21/10/2004. Hiện cháu Q đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, còn cháu L và cháu V chưa trưởng thành đang do chị L nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Nay anh xin được trực nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thúy L và cháu Lê Thị Triệu V và yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi hai con cùng anh theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung giữa anh và chị L thì anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147

Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn Nh. Về con chung: giao cháu Lê Thị Thúy L sinh ngày 20/3/2002 cho anh Lê Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Triệu V sinh ngày 21/10/2004 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm chị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn Nh đều cư trú tại thị trấn Q, huyện N, tỉnh N. Nay chị Trần Thị L có đơn xin ly hôn anh Lê Văn Nh và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, phía anh Lê Văn Nh vắng mặt nhưng anh Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Nh là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn Nh được tổ chức kết hôn vào tháng 01/1996, đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là thị trấn Q, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh Nh và chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Nh không được cải thiện. Từ năm 2017 đến nay chị L và anh Nh sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn thì vợ chồng giữa chị L và anh Nh đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị L xin được ly hôn anh Lê Văn Nh nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Nh không nhất trí ly hôn vì lý do tôn giáo, thấy không yêu cầu của anh Nh không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn Nh có ba con chung là Trần Văn Q sinh ngày 10/6/1997, Lê Thị Thúy L sinh ngày 20/3/2002 và Lê Thị Triệu V sinh ngày 21/10/2004. Hiện cháu Q đã trưởng thành tự lập được và chị L, anh Nh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Q nên không đặt ra giải quyết. Đối với cháu L và cháu V chưa trưởng thành và từ khi chị L anh Nh sống ly thân đến nay

đang do chị L quản lý nuôi dưỡng. Nay chị L và anh Nh đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu V, việc cấp dưỡng nuôi con chung thì chị L không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, phía anh Nh yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy cháu L và cháu V đã gần đến tuổi trưởng thành và hiện đang sống, học tập ổn định với chị L và các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng chị L nên chấp nhận đề nghị của chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Loan và cháu Vi và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn Nh không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là tương đối phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn Nh.

2- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thúy L sinh ngày 20/3/2002 và cháu Lê Thị Triệu V sinh ngày 21/10/2004 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng (chị Trần Thị L đang quản lý nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thúy L và cháu Lê Thị Triệu V). Anh Lê Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị L đối với cháu Lê Thị Thúy L và cháu Lê Thị Triệu V. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06368 ngày 02/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị L và anh Nh biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nh;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND TT Q;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng **Đàm Văn Kiều** **Trần Xuân Dũng**